TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-01-2018
V/v tranh chấp HNGĐ về ly hôn, nuôi con, tài sản chung và nợ chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Sơn.

2. Bà Dương Xuân Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con, tài sản chung và nợ chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn L, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng-Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Võ Nhật Duy A-Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Tây Ninh. Địa chỉ trụ sở: Khu phố 2, thị trấn Bến Cầu, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. (Theo Quyết định số 4716/QĐ-NHCS của Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội ngày 25-11-2016 về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án; Quyết định về việc giao nhiệm vụ đối với cán bộ số 729/QĐ- NHCS ngày 25-12-2017)

Chị T có mặt; anh L, ông A có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13-10-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Tấn L tự nguyện tìm hiểu và tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh vào ngày 09-11-2010. Hai anh chị chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, trong vấn đề tiền bạc nên vợ chồng hay cãi vã nhau và anh L còn nhiều lần đánh chị nên dẫn đến ly thân nhiều lần, lần gần nhất là từ tháng 9-2017 đến nay, trong thời gian ly thân hai anh chị không hàn gắn được. Xét thấy tình trạng trầm trọng, tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết chị được ly hôn với anh L.

Bị đơn anh Nguyễn Tấn L đã khai: Về cơ sở hôn nhân, thời gian chung sống, ly thân như chị T trình bày là đúng, nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, trong vấn đề tiền bạc nên hay xảy ra cải vã nhau. Xét thấy tình cảm không còn nên anh cũng chấp nhận ly hôn với chị T.

Về con chung: Chị T và anh L thống nhất có 02 con chung là cháu Nguyễn Phúc T, sinh ngày: 14-6-2011 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày: 03-10-2013, hiện đang sống với anh L. Chị và anh L thỏa thuận giao 02 con chung cho anh L nuôi, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T yêu chia tài sản chung là một xe máy hiệu Blade nhưng ngày 10-11-2017 chị T có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung do hai anh chị đã tự thỏa thuận giải quyết được.

Chị T và anh L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T và anh L thống nhất có nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam-Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Tây Ninh là 42.000.000 đồng. Ngoài ra không còn nợ ai khác. Chị T và anh L thống nhất thỏa thuận giao cho chị T có trách nhiệm trả nợ. Ngày 11-12-2017 chị T đã trả được 12.000.000 đồng, hiện còn nợ lại là 30.000.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Theo đơn khởi kiện ngày 18-10-2017 của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Tây Ninh yêu cầu chị T và anh L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng là 42.000.000 đồng và lãi suất theo hai hợp đồng tín dụng phát sinh đến ngày xét xử; Ngày 11-12-2017 chị Trần Thị T đã trả cho Ngân hàng 12.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 600000709783443 ngày 17-3-2017.

Ngày 12-12-2017 đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện xác định chỉ khởi kiện một mình chị T, yêu cầu chị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 30.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 600000709717910 ngày 14-3-2017 phát sinh đến ngày xét xử. Không yêu cầu anh L có nghĩa vụ trả.

Tại phiên Tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Chính sách xã hội vắng mặt, nhưng ông có gữi văn bản đến Tòa yêu cầu chị T trả số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 09-01-2018 là 192.432 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 600000709717910 tính từ ngày 10-01-2018 cho đến khi trả hết nợ gốc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm. Riêng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành theo quy định và có đơn xin vắng mặt nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Lộc và đại diện Ngân hàng là đúng theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh L. Giao con chung tên Nguyễn Phúc T, sinh ngày: 14-6-2011 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày: 03-10-2013 cho anh L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị T. Chị T và anh L không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung: Ghi nhận chị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam-Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Tây Ninh số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 09-01-2018 là 192.432 đồng và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 600000709717910 tính từ ngày 10-01-2018 cho đến khi trả hết nợ gốc. Án phí: Chị T chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Trần Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết việc hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Tấn L. Theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu. Trong quá trình giải quyết, anh Nguyễn Tấn L và đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam-Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Tây Ninh có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L và đại diện của Ngân hàng theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh L tự nguyện kết hôn, có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09-11-2010 nên hôn nhân của chị T và anh L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, trong vấn đề tiền bạc, dẫn đến gây gổ cải vã nhau, và ly thân nhiều lần, lần gần nhất là từ 09-2017 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của hai anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bản thân chị T và anh L đều thống nhất ly hôn, anh L làm đơn xin vắng không tham gia phiên công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử. Do vậy căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh L là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị T và anh L có 02 con chung là Nguyễn Phúc T, sinh ngày: 14-6-2011 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày: 03-10-2013. Xét thấy, cháu T và cháu A hiện đang sống với anh L, anh L đã nuôi con tốt, bảo đảm nhu cầu vật chất, tinh thần cho hai con. Hai anh chị cũng thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung cho anh L nuôi nên tiếp tục giao con chung cho anh L nuôi dưỡng là phù hợp theo qui định Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; Ghi nhận anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Chị T được quyền thăm nom con chung theo qui định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung: Khi nộp đơn yêu cầu ly hôn chị T có yêu cầu chia tài sản chung là 1 xe máy hiệu BLADE nhưng sau đó anh chị đã tự thỏa thuận tự giải quyết, chị T và anh L không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Ngày10-11-2017 chị T có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung do vậy đình chỉ yêu cầu khởi kiện về phần chia tài sản chung của chị T. Chị T được quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

[5] Về nợ chung: Vợ chồng chị T, anh L hiện có nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam-Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B,

tỉnh Tây Ninh là 30.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 600000709717910 ngày 14-3-2017 hai anh chị thống nhất thỏa thuận giao chị T có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng Chính sách.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Chính sách xã hội vắng mặt nhưng có văn bản thể hiện chỉ yêu cầu một mình chị T có nghĩa vụ trả số nợ là 30.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 192.432 đồng tính đến ngày xét xử là ngày 09-01-2018. Tổng cộng là 30.192.432 đồng và tiền lãi đối với khoản nợ gốc phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 600000709717910 kể từ ngày 10-01-2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng, yêu cầu này phù hợp theo thỏa thuận giữa chị T và anh L. Do vậy nên chấp nhận yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Chính sách xã hội.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu là chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh L. Giao 02 con chung cho anh L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị T. Về nợ chung: Chị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Tây Ninh số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 09-01-2018 là 192.432 đồng và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 600000709717910 tính từ ngày 10-01-2018 cho đến khi trả hết nợ gốc. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh L và Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam-Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Tây Ninh không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T đối với anh Nguyễn Tấn L.

Chị Trần Thị T được ly hôn với anh anh Nguyễn Tấn L.

2.Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Phúc T, sinh ngày: 14-6-2011 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày: 03-10-2013 cho anh Nguyễn Tấn L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở .

3.Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của chị Trần Thị T đối với anh Nguyễn Tấn L.

Người khởi kiện có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

Chị T và anh L không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung:

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Buộc chị Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam-Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Tây Ninh là 30.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 09-01-2018 là 192.432 đồng. Tổng cộng: 30.192.432 (*ba mươi triệu một trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm ba mươi hai*) đồng.

Kể từ ngày 10-01-2018 chị Trần Thị T còn phải chịu tiền lãi đối với khoản nợ gốc phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 600000709717910 ngày 14-3-2017 cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng số 600000709717910 ngày 14-3-2017.

Anh Nguyễn Tấn L không có nghĩa vụ trả nợ chung cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Tây Ninh.

5.Về án phí: Chị Trần Thị T chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm tranh chấp hôn nhân gia đình và 1.509.600 (*một triệu năm trăm lẻ chín nghìn sáu trăm*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tổng cộng: 1.809.600 (*một triệu tám trăm lẻ chín nghìn sáu trăm*) đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 712.000 (*bảy trăm mười hai nghìn*) đồng theo biên lai số 0021033 ngày 13-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Chị T còn phải nộp tiếp là 1.097.600 (*một triệu không trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm*) đồng.

Anh Nguyễn Tấn L và Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam-Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Tây Ninh không phải chịu án phí.

5.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã L (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoàng Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
…… ……	**Nguyễn Hoàng Mai**

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**